

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 04/6/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nay H'Chim.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa:Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa:
Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Ngân hàng Thương mại cổ phần An B; Địa chỉ: 170 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố H C M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần A B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T – Phó Phòng phụ trách Phòng giao dịch Ch S – Chi nhánh G L; Địa chỉ: 908 H V, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L (theo giấy ủy quyền số 306/UQ-TGD.20 ngày 29/7/2020). Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Trung H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Đỗ Minh S và bà Bùi Thị Tuyết Á; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Điều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Anh T trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019 và Giấy nhận nợ số 0200/19/TD/VIII.3.01 ngày 18/9/2019, Ngân hàng TMCP A B cho ông Đỗ Trung H vay số tiền 600.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động chăm sóc cà phê; Thời hạn vay: tính từ ngày 18/9/2019 đến ngày 08/9/2020; Lãi suất trong hạn: kỳ đầu tiên là 11,3%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; các kỳ tiếp theo: được tính bằng lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi suất tương ứng + biên độ tối thiểu 3%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019, ông Đỗ Minh S và bà Bùi Thị Tuyết Á đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0200/19/TC/VIII.3 ngày 17/9/2019, tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 962, tờ bản đồ số 31 (diện tích 191,2 m²), tại tổ dân phố 02, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 620337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05319 do UBND huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/7/2018 (Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn ngày 17/9/2019 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G L – Chi nhánh huyện Ch S).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đỗ Trung H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Đối với số nợ nêu trên, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn. Tuy nhiên, khách hàng đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn kể từ ngày 09/8/2020.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch S giải quyết buộc: Ông Đỗ Trung H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 04/6/2021 tổng số tiền còn nợ lại là: 701.373.213 đồng, trong đó: Nợ gốc: 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 26.143.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 75.230.137 đồng. Số tiền lãi trong hạn ông H đã trả cho Ngân hàng là 39.936.986đ, nay Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ông Đỗ Trung H không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0200/19/TC/VIII.3 ngày 17/9/2019 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Đỗ Trung H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh S và bà Bùi Thị Tuyết Á: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông H, ông S và bà Á có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng hiện nay ông bà cư trú không ổn định, có đi về nhưng không xác định được thời điểm trở về. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông

H, ông S và bà Á tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Ch S: Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A B chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A B số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 04/6/2021 là: 701.373.213 đồng, trong đó: Nợ gốc: 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 26.143.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 75.230.137 đồng. Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29/7/2020, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Đỗ Trung H có địa chỉ tại tổ dân phố 2, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Xét thấy hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L. Mặt khác, Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019 là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, đến hạn trả nợ Ngân hàng đã thông báo nhiều lần, nhưng ông H vẫn không trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện đòi lại số tiền cho vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng phía bị đơn là ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh S và bà Bùi Thị Tuyết Á vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông H, ông S và bà Á có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương, tuy nhiên sinh sống không ổn định, có đi về và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Do ông H, ông S và bà Á không đến Tòa án nên không lấy lời khai, không tiến hành hoà giải được, đại diện phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì bị cách ly phòng bệnh Covid-19. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, đồng thời phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét về hiệu lực của Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019: Đây là loại hợp đồng tín dụng, khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, do đó hợp đồng có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019 và Giấy nhận nợ số 0200/19/TD/VIII.3.01 ngày 18/9/2019, ông Hoàng có vay và nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A B, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động chăm sóc cà phê; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (18/9/2019); lãi suất trong hạn: kỳ đầu tiên là 11,3%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; các kỳ tiếp theo: được tính bằng lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi suất tương ứng + biên độ tối thiểu 3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông Hoàng không thanh toán tiền lãi theo định kỳ và từ ngày đến hạn trả nợ gốc là 08/9/2020 cho đến nay ông Hoàng không thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông H cố tình trốn tránh và không thực hiện, cụ thể:

Đối với khoản nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng trên, ông H vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A B 600.000.000 đồng, ngày trả nợ gốc là 08/9/2020, hiện nay vẫn còn nợ 600.000.000 đồng và phía ngân hàng Thương mại cổ phần A B đã chuyển khoản nợ gốc này thành nợ quá hạn kể từ ngày 08/9/2020.

Đối với số nợ lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ông H phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn định kỳ 03 tháng/lần, trả vào ngày 18 hàng tháng, ngày trả lãi của kỳ đầu tiên 28/10/2019 nhưng ông H không trả nợ lãi theo thỏa thuận. Từ khi vay nợ cho đến nay bị đơn đã thanh toán lãi cho nguyên đơn tiền lãi là 39.936.986 đồng. Trên cơ sở lời khai, bản kê tính lãi và sao kê tài khoản do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thì tiền lãi được xác định như sau: Lãi trong hạn của số tiền gốc 600.000.000 đồng từ ngày 18/9/2019 đến 07/9/2020 là 66.128.219 đồng, lãi quá hạn của tiền gốc 600.000.000 đồng từ ngày 08/9/2020 đến 04/6/2021 là 75.230.137 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không phản đối các yêu cầu này của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xác định phía bị đơn có nợ nguyên đơn tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 26.143.076 đồng, lãi quá hạn là 75.230.137 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải trả cho nguyên đơn số tiền là 701.373.213 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 26.143.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 75.230.137 đồng.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn:

Để đảm bảo cho khoản vay của ông H thì ông S và bà Á đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A B quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 962, tờ bản đồ số 31 (diện tích 191,2 m²), địa chỉ: tổ dân phố 02, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 620337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05319 do UBND huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/7/2018. (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0200/19/TC/VIII.3 ngày 17/9/2019, Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật).

Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 26/01/2021, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản thế chấp trên được cấp đúng vị trí, đúng số tờ bản đồ, số thửa đất, hình thể thửa đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên diện tích đất thực tế là 159,4m² (giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 31,8m²). Ông S và bà Á sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng và không tranh chấp.

Xét thấy, hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác để bảo đảm cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay từng lần số 0200/19/TD/VIII.3 ngày 17/9/2019 để thu hồi nợ khi bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.500.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này, nên cần buộc bị đơn là ông H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 4.500.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Hoàng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, 35, 39, 70, 91, 92, 144, 147, 155, 156, 157, 207, 208, 210, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 116, 117, 238, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A B và xử:

1. Buộc bị đơn ông Đỗ Trung H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại tính đến ngày 04/6/2021 là 701.373.213đ (Bảy trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm mười ba đồng), (trong đó gồm: Nợ gốc: 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn còn lại là: 26.143.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 75.230.137 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Đỗ Trung H không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 962, tờ bản đồ số 31, diện tích 159,4m², địa chỉ: tổ dân phố 02, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 620337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05319 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/7/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0200/19/TC/VIII.3 ngày 17/9/2019 để thu hồi nợ.

3. Khi ông Đỗ Trung H thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S có nghĩa vụ trả lại cho ông S và bà Á Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 620337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05319 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/7/2018.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.500.000đồng, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu, nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên. Do đó, buộc ông H phải hoàn lại cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét , thẩm định tại chỗ, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Buộc ông Đỗ Trung H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.054.928 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A B – chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.218.238 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011118 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Ch S;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Hiếu